

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ ĐTNĐ
VÀ XDGT THANH HÓA**
Số: 199 /ĐTNĐ-KHKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị tháo gỡ trong việc bố trí phương tiện thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên trên các tuyến ĐTNĐ năm 2023 trong thời gian đi đăng kiểm.

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 9 năm 2023

Kính gửi:

- Sở Giao thông vận tải Thanh Hoá;
- Ban QL bảo trì CTGT và ĐHHĐ vận tải HKCC.

Công ty CP Quản lý ĐTNĐ và XDGT Thanh Hóa là đơn vị được Sở Giao thông vận tải Thanh Hoá hợp đồng thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên 761 km với 23 tuyến ĐTNĐ, cụ thể có 8 tuyến ĐTNĐ quốc gia dài 213 Km và 15 tuyến ĐTNĐ địa phương dài 548 Km; các tuyến ĐTNĐ đều nằm rải rác hầu hết trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá từ miền núi đến miền xuôi, từ đồng bằng đến miền biển, từ bờ ra đảo, trong đó có 05 tuyến cửa biển đó là các tuyến: cửa Lạch Sung (sông Lèn), cửa Lạch Trường (sông Tào), cửa Lạch Bạng (Lạch Bạng – Hòn Mê, cửa Lạch Càn (sông Càn), cửa Lạch Ghép (sông Yên) và có 03 tuyến lòng hồ đó là: hồ cửa Đạt, hồ Bến En, thủy điện Trung Sơn.

Các tuyến ĐTNĐ quốc gia được chia làm 02 gói thầu là gói thầu QLTX-01 (gồm các tuyến: sông Mã, sông Tào, kênh Choán, sông Bưởi, tuyến Lạch Bạng - Đảo Hòn Mê) và gói thầu QLTX-02 (gồm các tuyến: kênh Nga Sơn, sông Lèn, kênh De) được ký ngày 13/01/2023.

Các tuyến ĐTNĐ địa phương được chia làm 02 gói thầu là gói thầu số 01 (gồm các tuyến: sông Chu, sông cầu Chày, sông Mã, lòng hồ thủy điện Trung Sơn, sông Bưởi) và gói thầu số 02 (gồm các tuyến: sông Nhồi, sông Lục Giang, sông Yên, sông Hoàng, sông Chuối, sông cầu Quan, sông Càn, tuyến Lạch Hối - Đảo Nẹ, lòng hồ cửa Đạt, lòng hồ Bến En) được ký ngày 30/12/2022.

Để thực hiện tốt công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên trên các tuyến ĐTNĐ đơn vị bố trí 18 Trạm quản lý ĐTNĐ (07 trạm TW và 11 trạm ĐP) và đầy đủ các phương tiện có trong hồ sơ dự thầu.

Các phương tiện theo hồ sơ dự thầu cụ thể như sau:

STT	Phương tiện	Công suất	Đáp ứng tuyến sông	Hạn đăng kiểm
A	Trên các tuyến ĐTNĐ quốc gia			
I	Gói thầu số QLTX-01			
1	Tàu TH-0593	33CV	Chạy bằng tàu 33CV	06/6/2024
2	Tàu TH-0352	50CV	Chạy bằng tàu 33CV	11/9/2023
3	Tàu TH-0684	155CV	Chạy bằng tàu 150CV	24/8/2024
4	Tàu TH-91725.TS	330CV	Chạy bằng tàu 150CV	21/8/2023
II	Gói thầu số QLTX-02			
1	Tàu TH-0590	44CV	Chạy bằng tàu 33CV	10/9/2023
2	Tàu TH-1189	90CV	Chạy bằng tàu 33CV	20/9/2023
3	Tàu TH-91603.TS	160CV	Chạy bằng tàu 150CV	26/10/2023

B	Trên các tuyến ĐTNĐ địa phương			
I	Gói thầu số 01			
1	Tàu TH-1309	78CV	Chạy bằng tàu 33CV	07/6/2024
2	Tàu TH-0908	34,5CV	Chạy bằng tàu 33CV	24/10/2023
3	Tàu TH-1191	48CV	Chạy bằng tàu 33CV	20/3/2023
4	Tàu TH-1452	15CV	Chạy bằng tàu 15CV	11/7/2023
5	Tàu TH-1340	15CV	Chạy bằng tàu 15CV	12/11/2023
II	Gói thầu số 02			
1	Tàu TH-1445	15CV	Chạy bằng tàu 15CV	13/5/2024
2	Tàu TH-0799	33CV	Chạy bằng tàu 33CV	30/5/2023
3	Tàu TH-0591	50CV	Chạy bằng tàu 50CV	11/9/2023
4	Tàu TH-0680	78CV	Chạy bằng tàu 50CV	28/3/2024
5	Tàu TH-0722	110CV	Chạy bằng tàu 90CV	27/11/2023
6	Tàu TH-0674	192CV	Chạy bằng tàu 150CV	06/6/2024

Các phương tiện đều được đơn vị chấp hành công tác đăng kiểm theo quy định với chu kỳ đăng kiểm là 01 năm với tàu sắt và 06 tháng với tàu gỗ, trong quá trình thực hiện đăng kiểm đơn vị thấy có một số khó khăn, bất cập như sau:

- Hiện tại các triền, đà để đưa tàu lên sửa chữa, kiểm tra, đăng kiểm là quá tải vì theo quy định các triền, đà này phải có giấy phép kinh doanh và được cấp phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền, hiện nay trên địa bàn tỉnh chỉ 02 cơ sở sửa chữa, lên đà được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp phép đó là:

+ Cơ sở 1: Công ty TNHH dịch vụ dầu khí và đóng tàu Thanh Hoá, địa chỉ: số 04, đường đôi C4, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hoá nằm trên tuyến sông Mã.

+ Cơ sở 2: Công ty CP công nghiệp tàu thủy Hoàng Linh, địa chỉ số 6/2, đường Chương Dương, phường Quảng Hưng, TP Thanh Hoá nằm trên tuyến Hàng Hải. cơ sở này chủ yếu chỉ sửa chữa phương tiện phục vụ cho Công ty vận chuyển than.

Còn Công ty TNHH đóng tàu Trường Thành, địa chỉ thôn Hoà Hải, xã Hoà Lộc, huyện Hậu Lộc nằm trên tuyến sông Tào chỉ đóng mới, sửa chữa tàu gỗ phục vụ nghề cá, thời điểm này là vào mùa mưa, bão nên số lượng tàu cá về lên đà sửa chữa, bảo dưỡng, đăng kiểm rất nhiều.

- Số lượng các triền đà ít không đáp ứng được lượng phương tiện trên địa bàn tỉnh mặc dù đơn vị chúng tôi đăng ký trước từ 1- 2 tháng, do công tác đăng kiểm rất chặt chẽ, lực lượng lao động tại các xưởng ít dẫn đến không đảm bảo tiến độ, kéo dài thời gian nằm đà, do vậy có những phương tiện đến kỳ lên đà đang hoạt động tốt nhưng chưa có triền đà để lên đơn vị vẫn cho phương tiện hoạt động bình thường chờ đến lượt mới lên đà để đăng kiểm.

- Số lượng phương tiện thủy của đơn vị nhiều, cùng khoảng thời gian có một số phương tiện hết hạn đăng kiểm cùng một lúc nên có phương tiện quá thời hạn đăng kiểm vì các lý do trên, đơn vị đã sử dụng số lượng hiện có của đơn vị đang còn hạn đăng kiểm để bố trí, thay thế cho các phương tiện hết thời hạn đăng kiểm.

Để đảm bảo tiến độ, khối lượng cũng như thay thế trong thời gian phương tiện đi đăng kiểm, đơn vị đề xuất với Sở Giao thông vận tải Thanh Hoá, Ban QL bảo trì CTGT và ĐHHĐ vận tải HKCC một số nội dung sau:

1. Ngoài sử dụng các phương tiện có trong gói thầu, cho phép đơn vị sử dụng phương tiện của gói thầu khác và bổ sung thêm một số phương tiện không có trong các gói thầu để thay thế khi các phương tiện hết thời hạn đăng kiểm, chờ lên đà, sửa chữa, cấp giấy, cụ thể:

STT	Phương tiện	Công suất máy	Số đăng kiểm	Thời hạn đăng kiểm
1	Tàu TH-0340	33CV	S36-00290	10/01/2024
2	Tàu TH-0592	33CV	S36-00152	10/4/2024
3	Tàu TH-0720	65CV	S36-00237	27/5/2023
4	Tàu TH-0785	33CV	S36-00277	23/6/2024
5	Tàu TH-1465	50CV	S36-00965	30/7/2024
6	Tàu TH-1466	44CV	S36-00966	24/6/2024
7	Tàu TH-91311.TS	90CV	424/HN/□KTC	21/7/2024
8	Tàu TH-0675	192CV	V36-00706	19/8/2023

(Có đăng ký, đăng kiểm kèm theo)

2. Khi thay thế, bổ sung phương tiện nào, đơn vị sẽ báo cáo trực tiếp với cán bộ giám sát của đại diện Chủ đầu tư.

* Đơn vị cam kết:

- Số phương tiện bổ sung trên là phương tiện thuộc quyền sở hữu của đơn vị, có đầy đủ hồ sơ pháp lý, có đầy đủ công năng, đáp ứng tốt công tác quản lý, bảo trì thường xuyên trên các tuyến ĐTNĐ trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

- Bố trí phương tiện thay thế phù hợp với công suất máy chạy trên từng tuyến ĐTNĐ như hồ sơ dự thầu, đảm bảo các điều kiện vận hành của phương tiện.

- Giá trị ca máy không vượt quá giá trị mà hợp đồng đã ký kết.

Vậy Công ty CP Quản lý ĐTNĐ và XDGT Thanh Hóa làm văn bản báo cáo Sở Giao thông vận tải Thanh Hoá, Ban QL bảo trì CTGT và ĐHHĐ vận tải HKCC xem xét, chấp thuận, tháo gỡ khó khăn cho đơn vị trong việc sử dụng phương tiện, quá thời hạn đăng kiểm do một số lý do đơn vị đã nêu trên.

Rất mong Sở Giao thông vận tải Thanh Hoá, Ban QL bảo trì CTGT và ĐHHĐ vận tải HKCC quan tâm tạo điều kiện cho Công ty hoàn thành như nội dung Hợp đồng đã ký kết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, KHKT.



Trần Văn Dũng

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 114-18/ĐK

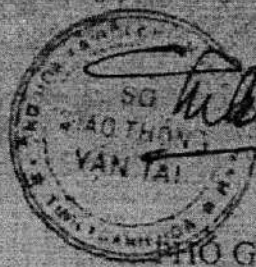
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THUYỀN NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: TÀU KIỂM TRA Đ. SÔNG TH. 09 Số đăng ký: TH-0340
Chủ phương tiện: Ủy CP quản lý ĐTNĐ & Xây dựng giao thông Thanh Hóa
Địa chỉ chủ phương tiện: Phường Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:
Cấp phương tiện: Công dụng: Tàu chở công nhân
Năm và nơi đóng: 1999/Hà Tĩnh
Chiều dài thiết kế: 15,50 m. Chiều dài lớn nhất: 16,00 m
Chiều rộng thiết kế: 3,80 m. Chiều rộng lớn nhất: 4,00 m
Chiều cao mạn: 1,30 m. Chiều chìm: 1,00 m
Mạn khô: 0,30 m. Vật liệu vỏ: Thép
Số lượng, kiểu và công suất máy chính: 01, 2LDGFE, 33 CV
Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, dây: 12 người

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 12 năm 2018



PHÓ GIÁM ĐỐC

Số seri: TH 000378

Vương Quốc Tuấn

Số: 00013/23S36

BS 033134



GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: Tàu kiểm tra DS- 09 Số ĐKHC: TH-0340
Công dụng: Tàu chở công nhân Số Đăng kiểm: S36-00290
Chủ phương tiện: Cty CP quản lý ĐTNĐ & Xây dựng giao thông Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 320, Trần Hưng Đạo, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Năm và nơi đóng: 1999, Hà Tĩnh
Kích thước cơ bản: L x B x D x d 15,5x3,8x1,3x1 m;
L_{max} x B_{max} 16x4 m; Mạn khô F: 300 mm;
Vật liệu: Thép ; Tổng dung tích (GT): ;
Số lượng máy chính/phụ: 1/0 ; Tổng công suất: 33/0 sức ngựa;
Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 00013/23S36 ngày 5 tháng 5 năm 2023

PHÒNG QLVT VÀ ĐKPTT THANH HÓA

chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngân ngừa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy chuẩn, quy định hiện hành và được trao cấp:

Vùng hoạt động: Vùng SII
Khả năng khai thác: Số người: 12 (người)

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 10 tháng 01 năm 2024
Cấp tại Thanh Hóa , ngày 05 tháng 5 năm 2023
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM



Số KS VS99049909

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG QL VẬN TẢI
Nguyễn Thành Cường

SF-01B

Thiết kế phương tiện			
Ký hiệu thiết kế: ST01	Năm thiết kế: 00001/12S36	TK1430/ĐK99	
Số GCN:	Số thẩm định:		
Năm và nơi hoàn cải:			
Thiết bị neo			
Neo mũi, kiểu Hai mũi	SL(chiếc): 1	Tổng khối lượng neo	35 kg
Chiều dài x đường kính xích, cáp:	50/30		
Thiết bị lái			
Bánh lái: Kiểu Tầm	số lượng (chiếc): 1	Tổng DT (m ²):	0,6
Máy lái chính: Kiểu	Cơ khí	Mô men lái (tm):	
Thiết bị căng buộc			
Dây buộc: số lượng (chiếc)	2	Chiều dài (m)	50
Thiết bị kéo			
Cột kéo: Kiểu Bít đơn	Đường kính (mm):	180	
Móc kéo: Kiểu			
Máy chính			
Mác	Năm chế tạo	Số chế tạo	Công suất (sức ngựa/k.W)
1 2LDGFE		32844	33
Máy phụ			
Số lượng, mãc, công suất (sức ngựa):	0; 0		
Thiết bị điện			
Số lượng máy phát (chiếc):	1		
Công suất (KVA):	1,25	Điện áp (V):	24V
Số bình ắc quy:	4	Điện áp (V):	12
Dung lượng (Ah):		180x4	
Trang bị cứu sinh			
Số lượng phao tròn (chiếc):	2	Số lượng phao áo (chiếc):	12
Số lượng dụng cụ nổi (chiếc):	12	Tổng sức chở (người):	12
Trang bị cứu đắm			
Bơm hút khô: kiểu	Ly tâm		
Số lượng (chiếc):	1	Lưu lượng (m ³)	18
Bộ dụng cụ cứu đắm:	☒		
Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang:			
Trang bị chạy tàu			
Ống nhòm ☐	Đồng hồ ☒		
Thiết bị đo sâu đơn giản	☐		
Thiết bị đo nghiêng	☒		
VHF (chiếc):			
Chương lệnh		☐	
Thước đo mức nước		☒	
AIS		☐	

Trang bị chữa cháy	
Số lượng bom chữa cháy (chiếc):	1 ; Tổng lưu lượng (m ³) 18
Loại khí	; Tổng khối lượng (kg)
Bình bọt dầy: Số lượng x dung tích:	
Bình CO ₂ : Số bình x khối lượng (kg)	4x5
Bình bột: Số bình x khối lượng (kg)	
Bình bọt: Số bình x dung tích (lít)	6x9
Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công:	☒ ; Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy: ☐

Trang bị tín hiệu	
Đèn hiệu:	
Đèn mạn đỏ	☒ ; Đèn mạn xanh ☒ ; Đèn trắng lái ☐ ;
Đèn cột trắng:	☐ ; Đèn cột xanh ☐ ; Đèn cột đỏ ☐ ; Đèn neo ☒ ;
Đèn lái trắng:	☐ ; Đèn lái đỏ ☐ ; Đèn lái xanh ☐ ; Đèn vàng ☐ ;
Đèn trắng nháy	☐ ; Đèn vàng nháy ☐ ; Đèn đỏ nháy ☐ ;
Đèn cho các tình huống khác	☐ ; Đèn nửa xanh nửa đỏ ☐ ; Đèn dự trữ ☒ ;
Âm hiệu:	
Vật hiệu:	
Tam giác đen ☒ ;	Vuông đen ☐ ;
Hình chữ nhật đen ☐ ;	Hình tròn trắng ☐ ;
Hình thoi góc vuông đen ☐ ;	Bộ cờ hiệu ☐ ;

Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm (tàu rác, dầu, nước thải sinh hoạt, chất tổng độc hại của tàu)

Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc) ; Tổng sản lượng (m³) 0,05

Kết thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc) 1 ; Tổng thể tích (m³)

Kết nước thải: Số lượng (chiếc) ; Tổng thể tích (m³)

Bích nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc) ; Vị trí:

Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc) 1 ; Sản lượng (m³):

Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng: ; Thời hạn kiểm tra 10/01/2026

Định kỳ: ; Trên đài: ; Trung gian:

Hàng năm: 10/01/2024

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 112-18/ĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Tên phương tiện: TÀU KIỂM TRA Đ. SÔNG TH 04. Số đăng ký: TH- 0592
Chủ phương tiện: Cty. CP quản lý ĐTNĐ & Xây dựng giao thông Thanh Hóa
Địa chỉ chủ phương tiện: Phường Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:
Cấp phương tiện: Công dụng: Tàu chở công nhân
Năm và nơi đóng: 2000/Thanh Hóa
Chiều dài thiết kế: 11,00 m, Chiều dài lớn nhất: 11,60 m
Chiều rộng thiết kế: 2,40 m, Chiều rộng lớn nhất: 2,50 m
Chiều cao mạn: 1,10 m, Chiều chìm: 0,61 m
Mạn khô: 0,50 m, Vật liệu vỏ: Thép
Số lượng, kiểu và công suất máy chính: 01, CF1133, 33 CV
Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, dây: 8 người

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 12 năm 2018



GIÁM ĐỐC

Vương Quốc Tuấn

Số seri: TH 000376



GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THUY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: Kiểm Tra DS - TH 04 Số ĐKHC: TH-0592
Công dụng: Tàu chở công nhân Số Đăng kiểm: S36-00152
Chủ phương tiện: Cty CP QLĐTND & XDGTT Thanh Hóa
Địa chỉ: Phường Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Năm và nơi đóng: 2000, Thanh Hóa
Kích thước cơ bản: L x B x D x d 11x2,4x1,1x0,61 m;
L_{max} x B_{max} 11,6x2,5 m; Mạn khô F: 500 mm;
Vật liệu: Thép ; Tổng dung tích (GT): 33 / 0 sức ngựa;
Số lượng máy chính/phụ: 1/0 ; Tổng công suất: 33 / 0 sức ngựa;
Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 00022/23S36 ngày 31 tháng 5 năm 2023

PHÒNG QLVT VÀ ĐKPTT THANH HÓA

chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngắn ngủa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy chuẩn, quy định hiện hành và được trao cấp:

Vùng hoạt động: Vùng SII
Khả năng khai thác: Số người: 8 (người)

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 10 tháng 4 năm 2024

Cấp tại Thanh Hóa, ngày 31 tháng 5 năm 2023

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

(Ký tên đóng dấu)



Số KS VS00049893

Nguyễn Thành Cường

Thiết kế phương tiện	
Ký hiệu thiết kế:	Dân gian
Số GCN:	00017/1IS36
Năm và nơi hoàn cải:	
Neon mũi, kiểu	Hai mũi
Chiều dài x đường kính xích, cáp:	Thiết bị neo SL(chiếc): 1 ; Tổng khối lượng neo 30 - kg 50/30
Bánh lái: Kiểu	Tám
Máy lái chính: Kiểu	Thiết bị lái ; số lượng (chiếc): 1 ; Tổng DT (m ²): 0,6 Cơ khí ; Mô men lái (tm):
Dây buộc: số lượng (chiếc)	Thiết bị căng buộc 2 ; Chiều dài (m) 50
Cột kéo: Kiểu	Bút đơn
Móc kéo: Kiểu	Thiết bị kéo ; Đường kính (mm): 180
Máy chính	Máy chính
Số	Năm chế tạo
1	CFI133
Số lượng, móc, công suất (sức ngựa):	0; 0
Số lượng máy phát (chiếc):	Thiết bị điện
Công suất (KV/A):	; Điện áp (V):
Số bình ắc quy:	4 ; Điện áp (V): 12 ; Dung lượng (Ah): 180x4
Số lượng phao tròn (chiếc):	Trang bị cứu sinh 2 ; Số lượng phao áo (chiếc): 4
Số lượng dụng cụ nổi (chiếc):	8 ; Tổng sức chở (người): 8
Bơm hút khô: kiểu	Trang bị cứu đắm
Số lượng (chiếc):	Ly tâm
Bộ dụng cụ cứu đắm:	1 ; Lưu lượng (m ³) 18
Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang:	Trang bị chạy tàu
Ông nhóm	Đồng hồ
Thiết bị đo sâu đơn giản	Thiết bị đo mức nước
Thiết bị đo nghiêng	AIS
VHF (chiếc):	0

Trang bị chữa cháy		18
Số lượng bơm chữa cháy (chiếc):	1	: Tổng lưu lượng (m ³)
Loại khí		: Tổng khối lượng (kg)
Bình bọt dầy: Số lượng x dung tích:		
Bình CO ₂ : Số bình x khối lượng (kg)	4x5	
Bình bột: Số bình x khối lượng (kg)	6x9	
Bình bọt: Số bình x dung tích (lit)		
Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công:	☒ ; So đồ bố trí thiết bị chữa cháy:	☐

Trang bị tín hiệu	
Đèn hiệu:	
Đèn mạn đỏ	☐ ; Đèn mạn xanh ☐ ; Đèn trắng lái ☒ ;
Đèn cột trắng:	☒ ; Đèn cột xanh ☐ ; Đèn cột đỏ ☒ ; Đèn neo ☐ ;
Đèn lái trắng:	☐ ; Đèn lái đỏ ☐ ; Đèn lái xanh ☐ ; Đèn vàng ☐ ;
Đèn trắng nháy	☐ ; Đèn vàng nháy ☐ ; Đèn đỏ nháy ☐ ;
Đèn cho các tình huống khác	☐ Đèn nửa xanh nửa đỏ ☐ ; Đèn dự trữ ☒ ;
Ám hiệu:	Còi-1
Vật hiệu:	Tam giác đen ☐ ; Tam giác trắng ☐ ; Vuông đen ☐ ;
	Hình chữ nhật đen ☐ ; Hình tròn đen ☐ ; Hình tròn trắng ☐ ;
	Hình thoi góc vuông đen ☐ ; Bộ cờ hiệu ☒ ;

Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm (dầu, dầu, nước thải sinh hoạt, chất lỏng độc hại của tàu)

Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc) ☐; Tổng sản lượng (m³) ☐

Kết thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc) 1; Tổng thể tích (m³) 0,02

Kết nước thải: Số lượng (chiếc) ☐; Tổng thể tích (m³) ☐

Bích nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc): ☐; Vị trí: ☐

Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc) ☐

Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng: ☐; Sản lượng (m³): ☐

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số 09/10 /ĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: TÀU KT ĐUONG SONG TH06. Số đăng ký: TH-0720
 Chủ phương tiện: Cty CP QY DTND & XDGT T.Hóa
 Địa chủ chủ phương tiện: Phường Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, tỉnh T. Hóa
 Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:
 Cấp phương tiện: VR-SI Công dụng: Kiểm tra đường thủy nội địa
 Năm và nơi đóng: 2001, Nghệ An
 Chiều dài thiết kế: 12,00 m. Chiều dài lớn nhất: 13,00 m
 Chiều rộng thiết kế: 3,60 m. Chiều rộng lớn nhất: 3,80 m
 Chiều cao mạn: 1,70 m. Chiều chìm: 1,20 m
 Mạn khô: 0,50 m. Vực lặn vớt: Gõ
 Số lượng, kiểu và công suất máy chính: 01; YANMAR, 0362; 75 cv
 Trong tài toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, dây: 7 người và 7 tấn

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 5 năm 2012

[Signature]
 GIÁM ĐỐC
Trịnh Tuấn Sinh

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG QLVT VÀ ĐKPTT THANH HÓA

BS 033114

Số: 00147/22S36



**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Tên phương tiện: Tàu KT Đ. Sóng TH06 Số ĐKHC: TH-0720
Công dụng: Tàu chở công nhân Số Đăng kiểm: S36-00237
Chủ phương tiện: Cty CP Qy ĐTNĐ và XD GT Thanh Hóa
Địa chỉ: Phường Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Năm đóng/hoàn cải: 2001, Nghệ An
Kích thước cơ bản: L x B x D x d 12x3,6x1,7x1,2 m;
L max 13x3,8 m; Mạn khô F: 500 mm;
Vật liệu: Gỗ ; Dung tích: ;
Số lượng máy chính/phụ: 1/0 ; Tổng công suất: 75 / 0 cv;
Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 00147/22S36 ngày 23 tháng 11 năm 2022

PHÒNG QLVT VÀ ĐKPTT THANH HÓA

chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngân ngừa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy phạm, quy định hiện hành và được trao cấp:

Vùng hoạt động: VR-SII Vùng SII
Khả năng khai thác: Số người: 7 (người)/ TTTP: 7 (tấn)

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 27 tháng 5 năm 2023

Cấp tại Thanh Hóa ngày 23 tháng 11 năm 2022
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM (Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên, đóng dấu)

Số KS: VS01006324

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ VẬN TẢI
Vũ Minh Tuấn

SI-01B

Thiết kế phương tiện		Dân gian	
Ký hiệu thiết kế:	Năm thiết kế:	Số thăm định:	
Số GCN:	Năm, nơi hoàn cải:		
Neon mũi, Kiểu 02 ngang/02	Thiết bị neo	Tổng khối lượng neo	60 kg
Chiều dài x đường kính xích, cấp:	SL(chiếc): 2	30/30; 30/30	
Bánh lái: Kiểu Tầm	Thiết bị lái	Tổng DT (m ²):	0,7
Máy lái chính: Kiểu	Cơ khí	Mô men lái (tm):	
Dây buộc: số lượng (chiếc)	Thiết bị chằng buộc	Chiều dài (m)	100
Cột kéo: Kiểu	Thiết bị kéo	Đường kính (mm):	150
Móc kéo: Kiểu	Thiết bị kéo		
Máy chính	Máy chính	Số chế tạo	Công suất (cv)
Yanmar	Năm chế tạo		75
Số lượng, móc, công suất (cv):	Máy phụ		
Số lượng máy phát (chiếc):	Thiết bị điện		
Công suất (KVA):	1,25	Điện áp (V):	24V
Số bình ắc quy:	4	Dung lượng (Ah):	150x4
Số lượng phao tròn (chiếc):	4	Số lượng phao áo (chiếc):	8
Số lượng dụng cụ nổi (chiếc):	8	Tổng sức chở (người):	8
Bơm hút khô: kiểu	Thiết bị cứu đuối		
Số lượng (chiếc):	1	Ly tâm	
Bộ dụng cụ cứu đuối:	Thiết bị cứu đuối		
Thiết bị tự động bơm nước đáy khoang:			
Ống phớt	Đồng hồ		
Thiết bị đo sâu đơn giản			
Thiết bị đo nghiêng			
VHF (chiếc):	0		
		Chương lệnh	
		Thước đo mức nước	
		AIS	

Trang bị chữa cháy		Ly tâm		SL(chiếc) 1		Lưu lượng (m ³)		18	
Kiểu bơm:	Loại khí	Số lượng x dung tích:		2x5		Số lượng x dung tích (lít)		2x9	
Bình CO ₂ :	Số bình x khối lượng (kg)	Bình bột:		Số bình x khối lượng (kg)		Bình bột:		Số bình x dung tích (lít)	
Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công:	Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy:								
Trang bị tín hiệu									
Dèn hiệu:	Dèn mạn đỏ	☒	Dèn mạn xanh	☒	Dèn trắng lái	☒	Dèn cột đỏ	☒	Dèn neo
Dèn cột trắng:	☒	Dèn cột xanh	☒	Dèn lai đỏ	☒	Dèn lai xanh	☒	Dèn vàng	☒
Dèn trắng nháy	☒	Dèn vàng nháy	☒	Dèn đỏ nháy	☒	Dèn đỏ nháy	☒	Dèn đỏ nháy	☒
Dèn cho các tình huống khác	☒	Dèn nửa xanh nửa đỏ	☒	Dèn nửa xanh nửa đỏ	☒	Dèn nửa xanh nửa đỏ	☒	Dèn nửa xanh nửa đỏ	☒
Âm hiệu:	Tam giác đen	☒	Tam giác trắng	☒	Vuông đen	☒	Hình tròn đen	☒	Hình tròn trắng
Vật hiệu:	Hình chữ nhật đen	☒	Hình chữ nhật trắng	☒	Hình chữ nhật trắng	☒	Hình chữ nhật trắng	☒	Hình chữ nhật trắng
Hình thoi góc vuông đen	☒	Hình thoi góc vuông trắng	☒	Hình thoi góc vuông trắng	☒	Hình thoi góc vuông trắng	☒	Hình thoi góc vuông trắng	☒
Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm									
Thiết bị phân ly dầu nước:	Số lượng (chiếc)	Tổng sản lượng (m ³)		0,05		Tổng thể tích (m ³)		0,05	
Kết thu hỗn hợp dầu nước:	Số lượng (chiếc)	Tổng thể tích (m ³)		0,05		Tổng thể tích (m ³)		0,05	
Kết nước thải:	Số lượng (chiếc)	Vị trí:				Vị trí:			
Bích nối tiêu chuẩn:	Số lượng (chiếc):	Sân lượng (m ³):				Sân lượng (m ³):			
Thiết bị chứa rác:	Số lượng (chiếc)	Thời hạn kiểm tra		27/05/2023		Thời hạn kiểm tra		27/05/2023	
Thiết bị xử lý nước thải:	Số lượng:	Trên dãi:				Trên dãi:			
Hàng năm:	27/05/2023	Trung gian:				Trung gian:			
Áp dụng đối với:									
Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh:									
- Các phương tiện có sức chở dưới 50 người;									
- Các phương tiện có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn;									
- Các phương tiện có động cơ có tổng công suất dưới 135 sức ngựa;									
- Các phương tiện chuyên dùng như: bến nổi, thiết bị thi công nổi, nhà nổi, tàu cuốc, tàu hút... có chiều dài thiết kế nhỏ hơn 10 m.									
Trách nhiệm của chủ phương tiện:									
Chịu trách nhiệm báo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.									

VIỆT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số14.11ĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THUYỀN NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: CÁNỘ KIỂM TRA ĐINH Số đăng ký: TH-0785
Chủ phương tiện: CỤ CP QLY ĐTND&XDGT T.Hoa
Địa chỉ chủ phương tiện: Phường Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:
Cấp phương tiện: Công dụng: Chở người
Năm và nơi đóng: 2011, Ninh Bình
Chiều dài thiết kế: 8.60 m, Chiều dài lớn nhất: 9.50 m
Chiều rộng thiết kế: 3.30 m, Chiều rộng lớn nhất: 3.65 m
Chiều cao mạn: 0.70 m, Chiều chìm: 0.40 m
Mạn khô: 0.30 m, Vật liệu vỏ: Thép
Số lượng, kiểu và công suất máy chính: 01: ZS1100N, 221953; 33cv
Trong tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, dây: 12 người

Thanh Hóa, ngày 1 tháng 7 năm 2011



CHỖ GIÁM ĐỐC
Mai Xuân Liêm

BS 033171

Số: 00040/23S36



GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: Tàu KT Đ.SÔNG TH 11 Số ĐKHC: TH-0785
Công dụng: Tàu chở công nhân Số Đăng kiểm: S36-00277
Chủ phương tiện: Cty CP Quản lý ĐTNĐ và XDGT Thanh Hoá
Địa chỉ: Phường Nam Ngạn, TP. Thanh Hoá, Thanh Hoá
Năm và nơi đóng: 2011, Ninh Bình
Kích thước cơ bản: L x B x D x d 8,6x3,3x0,7x0,4 m;
L_{max} x B_{max} 9,5x3,65 m; Mạn khô F: 300 mm;
Vật liệu: Thép ; Tổng dung tích (GT): 33 / 0 sức ngựa;
Số lượng máy chính/phụ: 1/0 ; Tổng công suất: 33 / 0 sức ngựa;
Cần cử báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 00040/23S36 ngày 7 tháng 7 năm 2023

PHÒNG QLVT VÀ ĐKPTT THANH HÓA

chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngân ngừa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy chuẩn, quy định hiện hành và được trao cấp:

VR-SII

Vùng SII

Số người: 12 (người)

Vùng hoạt động:

Khả năng khai thác:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 23 tháng 6 năm 2024

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 7 năm 2023

Cấp tại

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

(Ký tên đóng dấu)



Số KS VS11006340

SI-01B

Thiết kế phương tiện			
Ký hiệu thiết kế:	MDH	Năm thiết kế:	
Số GCN:	00031/13S36	Số thẩm định:	
Năm và nơi hoàn cải:			
Neon mũ, kiểu	2 mỏ	Thiết bị neo	
Chiều dài x đường kính xích, cáp:		; SL(chiếc):	1
		; Tổng khối lượng neo	35 kg
			20/10
Bánh lái: Kiểu	Tấm	Thiết bị lái	
Máy lái chính: Kiểu		; số lượng (chiếc):	1
		; Tổng DT (m ²):	0,2
		Cơ khí	
		; Mô men lái (tm):	
Dây buộc: số lượng (chiếc)		Thiết bị chằng buộc	
		; Chiều dài (m)	20
Cột kéo: Kiểu		Thiết bị kéo	
Móc kéo: Kiểu		; Đường kính (mm):	180
Máy chính	Móc	Máy chính	
số		Năm chế tạo	
1	ZS1100N		
		Số chế tạo	
			221953
		Công suất (sức ngựa/kW)	33
Số lượng, móc, công suất (sức ngựa):		Máy phụ	
			0; 0
Số lượng máy phát (chiếc):		Thiết bị điện	
Công suất (KVA):	1,25		
Số bình ắc quy:	2	; Điện áp (V):	24V
		; Dung lượng (Ah):	150x2
Số lượng phao tròn (chiếc):		Trang bị cứu sinh	
Số lượng dụng cụ nổi (chiếc):		; Số lượng phao áo (chiếc):	13
		; Tổng sức chở (người):	0
Bơm hút khô: kiểu		Trang bị cứu đắm	
Số lượng (chiếc):	1	Điện	
Bộ dụng cụ cứu đắm:		; Lưu lượng (m ³)	12
Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang:			
		Trang bị chạy tàu	
Ông nhòm	☐	Đồng hồ	☒
Thiết bị đo sâu đơn giản	☐		☐
Thiết bị đo nghiêng	☐		☐
VHF (chiếc):	0		
		Chương lệnh	☐
		Thước đo mức nước	☒
		AIS	☐

Trang bị chữa cháy Số lượng bơm chữa cháy (chiếc): ; Tổng lưu lượng (m ³) Loại khí ; Tổng khối lượng (kg) Bình bọt dầy: Số lượng x dung tích: 4x5 Bình CO ₂ : Số bình x khối lượng (kg) Bình bột: Số bình x khối lượng (kg) Bình bột: Số bình x dung tích (lit) Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công: Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy:	
Trang bị tín hiệu Đèn hiệu: Đèn mạn đỏ ; Đèn mạn xanh ; Đèn trắng lái ; Đèn neo ; Đèn cột trắng: ; Đèn cột xanh ; Đèn cột đỏ ; Đèn vàng ; Đèn lai trắng: ; Đèn lai đỏ ; Đèn lai xanh ; Đèn đỏ nháy ; Đèn trắng nháy ; Đèn vàng nháy ; Đèn đỏ nháy ; Đèn dự trữ ; Đèn cho các tình huống khác ; Đèn nửa xanh nửa đỏ ; Đèn dự trữ ; Âm hiệu: Còi-1 Vật hiệu: Tam giác đen ; Tam giác trắng ; Vuông đen ; Hình chữ nhật đen ; Hình tròn đen ; Hình tròn trắng ; Hình thoi góc vuông đen ; Bộ cờ hiệu ; Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm (dầu, dầu, nước thải sinh hoạt, chất lỏng đặc hại của tàu) Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc) ; Tổng sản lượng (m ³) Kết thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc) 1 ; Tổng thể tích (m ³) 0,02 Kết nước thải: Số lượng (chiếc) 1 ; Tổng thể tích (m ³) ; Bịch nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc) ; Vị trí: Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc) ; Sản lượng (m ³): Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng: ; Thời hạn kiểm tra Định kỳ: ; Trên đài: 23/06/2026 Hàng năm: 23/06/2024 ; Trung gian:	
Áp dụng đối với: Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh: - Các phương tiện có sức chở dưới 50 người; - Các phương tiện có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn; - Các phương tiện có động cơ có tổng công suất dưới 135 sức ngựa; - Các phương tiện chuyên dùng như: bần nổi, thiết bị thi công nổi, nhà nổi, tàu cuốc, tàu hút... có chiều dài thiết kế nhỏ hơn 10 m.	
Trách nhiệm của chủ phương tiện: Chịu trách nhiệm bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.	

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 26-21/ĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 24-08-2021

Số: 8868...QUYÊN...CBSC

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: Tàu tuần tra số 1 Số đăng ký: TH - 1465
Chủ phương tiện: Công ty CP quản lý ĐTNĐ và XD giao thông Thanh Hóa
Địa chỉ chủ phương tiện: 320, Trần Hưng Đạo, P.Nam Ngạn, TP.Thanh Hóa, Thanh Hóa
Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:
Cấp phương tiện: VR-SI Công dụng: Tàu chở người
Năm và nơi đóng: 2021, Thanh Hóa
Chiều dài thiết kế: 8,98 m, Chiều dài lớn nhất: 10,15 m
Chiều rộng thiết kế: 2,64 m, Chiều rộng lớn nhất: 3,0 m
Chiều cao mạn: 0,9 m, Chiều chìm: 0,4 m
Mạn khô: 0,503 m, Vật liệu vỏ: Thép
Số lượng, kiểu và công suất máy chính: 01, 4 JB1, 50 cv
Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy: 8 người/TITP: 2,07 tấn

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 8 năm 2021



PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Số seri: TH 000598

BS 033168

Số: 0004423S36



GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: TÀU TUẦN TRA SỐ 1 Số ĐKHC: TH-1465
Công dụng: Tàu chở người Số Đăng kiểm: V36-00965
Chủ phương tiện: Công ty CP quản lý ĐTNB và XD giao thông Thanh Hóa
Địa chỉ: số 320 Trần Hưng Đạo, phường Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Năm và nơi đóng: 2021, Thanh Hóa
Kích thước cơ bản: L x B x D x d 8,98x2,64x0,9x0,4 m;
L_{max} x B_{max} 10,15x3 m; Mạn khô F: 503 mm;
Vật liệu: Thép ; Tổng dung tích (GT): 7 ;
Số lượng máy chính/phụ: 1/0 ; Tổng công suất: 50 / 0 sức ngựa;
Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 0004423S36 ngày 27 tháng 7 năm 2027

PHÒNG QLVT VÀ ĐKPTT THANH HÓA

chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngân ngửa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy chuẩn, quy định hiện hành và được trao cấp:

VR-SI

Vùng SI

Vùng hoạt động:

Khả năng khai thác:

Số người: 8 (người)/TTTP: 2,07 (tấn)

Chữ tàu phải tuân thủ việc bố trí khách theo thiết kế, khi quay vòng tốc độ của tàu không quá 10km/h.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 30 tháng 7 năm 2024

Cấp tại Thanh Hóa , ngày 27 tháng 7 năm 2023

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

(Ký, đóng dấu)

Số KS VS21064841



Nguyễn Thành Cường

SI-01B

Thiết kế phương tiện		2021	
Ký hiệu thiết kế:	TKH 01-21	Năm thiết kế:	
Số GCN:	01485/21TS/01	Số thẩm định:	00639/TS/DM21
Năm và nơi hoàn cải:			

Neon mũi, kiểu	Matrosov	Thiết bị neo	
Chiều dài x đường kính xích, cáp:		SL(chiếc):	1 ; Tổng khối lượng neo 50 kg
			50/10
Bánh lái: Kiểu	Tấm	Thiết bị lái	
Máy lái chính: Kiểu		; số lượng (chiếc):	1 ; Tổng DT (m ²): 0,18
		Cơ khí	; Mô men lái (tm): 0,3
Dây buộc: số lượng (chiếc)		Thiết bị chằng buộc	50/50
		1/1 ; Chiều dài (m)	
Cột kéo: Kiểu	Bít đơn	Thiết bị kéo	120
Móc kéo: Kiểu		; Đường kính (mm):	
Máy chính	Mác	Máy chính	
số		Năm chế tạo	
1	4JB1		
		JX493ZQ3	50
Số lượng, mác, công suất (sức ngựa):		Máy phụ	
			0; 0
Số lượng máy phát (chiếc):		Thiết bị điện	
Công suất (KVA):			
Số bình ác quy:	4 ; Điện áp (V):	12 ; Dung lượng (Ah):	24V 180x4
Số lượng phao tròn (chiếc):		Trang bị cứu sinh	
Số lượng dụng cụ nổi (chiếc):		1 ; Số lượng phao áo (chiếc):	11
		2 ; Tổng sức chở (người):	12
		Trang bị cứu đắm	
Bơm hút khô: kiểu		Ly tâm	
Số lượng (chiếc):		; Lưu lượng (m ³)	25
Bộ dụng cụ cứu đắm:			
Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang:			
		Trang bị chạy tàu	
Ông nhôm ☒	Đồng hồ		
Thiết bị đo sâu đơn giản			
Thiết bị đo nghiêng			
VHF (chiếc):			

Chuông lệnh	☒
Thước đo mức nước	☒
AIS	☒

BS	
----	--

Trang bị chữa cháy		25
Số lượng bom chữa cháy (chiếc):	1	Tổng lưu lượng (m³) Tổng khối lượng (kg)
Loại khí		
Bình bọt dầy: Số lượng x dung tích:	2x5	
Bình CO₂: Số bình x khối lượng (kg)		
Bình bột: Số bình x khối lượng (kg)		
Bình bột: Số bình x dung tích (lít)		
Bộ dụng cụ chữa cháy thu công:	8x9	
Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy:		

Trang bị tín hiệu	
Đèn hiệu:	
Đèn mạn đỏ	Đèn mạn xanh
Đèn cột trắng:	Đèn cột đỏ
Đèn lai trắng:	Đèn lai đỏ
Đèn trắng nháy	Đèn vàng nháy
Đèn cho các tình huống khác	Đèn nửa xanh nửa đỏ
Âm hiệu:	Còi-1/Chuông-1
Vật hiệu:	Tam giác trắng
	Hình chữ nhật đen
	Hình thoi góc vuông đen

Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm (đô rác, dầu, nước thải sinh hoạt, chất lỏng độc hại của tàu)	
Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc)	Tổng sản lượng (m³)
Kết thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc)	Tổng thể tích (m³)
Kết nước thải: Số lượng (chiếc)	Tổng thể tích (m³)
Bích nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc)	Vị trí:
Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc)	Sản lượng (m³):
Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng:	

Định kỳ:	30/07/2026	Thời hạn kiểm tra	30/07/2024
Hàng năm:	30/07/2024	Trên đà:	
		Trung gian:	

Áp dụng đối với:

Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh:

- Các phương tiện có sức chở dưới 50 người;
- Các phương tiện có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn;
- Các phương tiện có động cơ có tổng công suất dưới 135 sức ngựa;
- Các phương tiện chuyên dùng như: bển nổi, thiết bị thi công nổi, nhà nổi, tàu cẩu, tàu hút... có chiều dài thiết kế nhỏ hơn 10 m.

Trách nhiệm của chủ phương tiện:

Chịu trách nhiệm bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 27-21/ĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG THỰC
BẢO ĐẢM VỚI DÂN CHÍNH

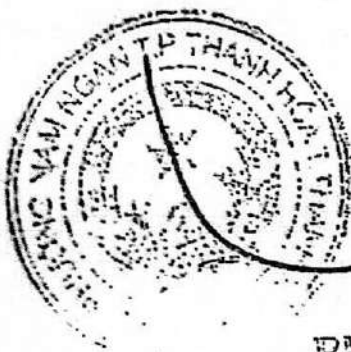
Ngày: 10-08-2022

Số: 4578...QUYẾN: 02...CBSC

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: Tàu tuần tra số 2 Số đăng ký: TH - 1466
Chủ phương tiện: Công ty CP quản lý ĐTNĐ và XD giao thông Thanh Hóa
Địa chỉ chủ phương tiện: 320, Trần Hưng Đạo, P.Nam Ngạn, TP.Thanh Hóa, Thanh Hóa
Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:
Cấp phương tiện: VR-SI Công dụng: Tàu chở người ..
Năm và nơi đóng: 2021, Thanh Hóa
Chiều dài thiết kế: 8,98 m, Chiều dài lớn nhất: 10,15 m
Chiều rộng thiết kế: 2,64 m, Chiều rộng lớn nhất: 3,0 m
Chiều cao mạn: 0,9 m, Chiều chìm: 0,4 m
Mạn khô: 0,503 m, Vật liệu vỏ: Thép
Số lượng, kiểu và công suất máy chính: 01, 4JB1, 50 cv
Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy: 8 người/TTTP: 2,07 tấn

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 8 năm 2021



PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Văn Thiện

Số seri: TH 000599

PHÓ GIÁM ĐỐC

Vương Đức Thuận



BS 033156

Số: 00042/23S36

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: TÀU TUẦN TRA SỐ 2
Số ĐKHC: TH-1466
Số Đăng kiểm: V36-00966
Công dụng: Tàu chở người
Chủ phương tiện: Công ty CP quản lý ĐTNĐ và XD giao thông Thanh Hóa
Địa chỉ: số 320 Trần Hưng Đạo, phường Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Năm và nơi đóng: 2021, Thanh Hóa
Kích thước cơ bản: L x B x D x d 8,98x2,64x0,9x0,4 m;
L_{max} x B_{max} 10,15x3 m; Mạn khô F: 503 mm;
Vật liệu: Thép ; Tổng dung tích (GT): 7 sức ngựa;
Số lượng máy chính/phụ: 1/0 ; Tổng công suất: 50 / 0 sức ngựa;
Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 00042/23S36 ngày 7 tháng 7 năm 2023

PHÒNG QLVT VÀ ĐKPTT THANH HÓA

chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngân ngừa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy chuẩn, quy định hiện hành và được trao cấp:

VR-SI

Vùng SI

Vùng hoạt động:

Khi nâng khai thác:

Số người: 8 (người)/TTTP: 2,07 (tấn)

Chú tàu phải tuân thủ việc bảo trì khách theo thiết kế, khi quay vòng tốc độ của tàu không quá 10km/h.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 24 tháng 6 năm 2024

Cấp tại

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 7 năm 2023

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

(Ký tên, đóng dấu)



Số KS VS21064842

PHÒNG QLVT VÀ ĐKPTT THANH HÓA

Nguyễn Thành Cường

SI-01B

Thiết kế phương tiện		TKH 01-21		Năm thiết kế		2021	
Ký hiệu thiết kế:		TKH 01-21		Năm thiết kế:		2021	
Số GCN:		01485/2/TS/02		Số thẩm định:		00639/TS/ĐM21	
Năm và nơi hoàn cải:							
Thiết bị neo		Thiết bị neo		Thiết bị neo		Thiết bị neo	
Neon mũi, kiểu		Matrosov		SL(chiếc): 1		Tổng khối lượng neo	
Chiều dài x đường kính xích, cáp:						50/10	
Thiết bị lái		Thiết bị lái		Thiết bị lái		Thiết bị lái	
Bánh lái: Kiểu		Tám		số lượng (chiếc): 1		Tổng DT (m ²): 0,18	
Máy lái chính: Kiểu						Mô men lái (tm):	
Thiết bị căng buộc		Thiết bị căng buộc		Thiết bị căng buộc		Thiết bị căng buộc	
Dây buộc: số lượng (chiếc)		1/1		Chiều dài (m)		50/50	
Thiết bị kéo		Thiết bị kéo		Thiết bị kéo		Thiết bị kéo	
Cột kéo: Kiểu						Đường kính (mm):	
Móc kéo: Kiểu							
Máy chính		Máy chính		Máy chính		Máy chính	
Số		Mác		Năm chế tạo		Số chế tạo	
1		4JB1		JX493ZQ4		50	
Số lượng, mác, công suất (sức ngựa):		Số lượng, mác, công suất (sức ngựa):		Số lượng, mác, công suất (sức ngựa):		Số lượng, mác, công suất (sức ngựa):	
Số lượng máy phát (chiếc):		Số lượng máy phát (chiếc):		Số lượng máy phát (chiếc):		Số lượng máy phát (chiếc):	
Công suất (KVA):		Công suất (KVA):		Công suất (KVA):		Công suất (KVA):	
Số bình ắc quy:		Số bình ắc quy:		Số bình ắc quy:		Số bình ắc quy:	
Số lượng phao tròn (chiếc):		Số lượng phao tròn (chiếc):		Số lượng phao tròn (chiếc):		Số lượng phao tròn (chiếc):	
Số lượng dụng cụ nổi (chiếc):		Số lượng dụng cụ nổi (chiếc):		Số lượng dụng cụ nổi (chiếc):		Số lượng dụng cụ nổi (chiếc):	
Bơm hút khô: kiểu		Bơm hút khô: kiểu		Bơm hút khô: kiểu		Bơm hút khô: kiểu	
Số lượng (chiếc):		Số lượng (chiếc):		Số lượng (chiếc):		Số lượng (chiếc):	
Bộ dụng cụ cứu đắm:		Bộ dụng cụ cứu đắm:		Bộ dụng cụ cứu đắm:		Bộ dụng cụ cứu đắm:	
Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang:		Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang:		Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang:		Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang:	
Ống nhôm		Ống nhôm		Ống nhôm		Ống nhôm	
Thiết bị đo sâu đơn giản		Thiết bị đo sâu đơn giản		Thiết bị đo sâu đơn giản		Thiết bị đo sâu đơn giản	
Thiết bị đo nghiêng		Thiết bị đo nghiêng		Thiết bị đo nghiêng		Thiết bị đo nghiêng	
VHF (chiếc):		VHF (chiếc):		VHF (chiếc):		VHF (chiếc):	

Trang bị chữa cháy		25
Số lượng bơm chữa cháy (chiếc):	1	Tổng lưu lượng (m ³)
Loại hi		Tổng khối lượng (kg)
Bình bọt dầy: Số lượng x dung tích:		
Bình CO ₂ : Số bình x khối lượng (kg)	2x5	
Bình bột: Số bình x khối lượng (kg)		
Bình bọt: Số bình x dung tích (lit)	8x9	
Bộ dụng cụ chữa cháy thu công:	☒ ;	Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy: ☐
Trang bị tín hiệu		
Dèn hiệu:		
Dèn mạn đỏ	☒ ; Dèn mạn xanh	☐ ; Dèn trắng lái
Dèn cột trắng:	☒ ; Dèn cột xanh	☐ ; Dèn cột đỏ
Dèn lái trắng:	☐ ; Dèn lái đỏ	☐ ; Dèn lái xanh
Dèn trắng nháy	☒ ; Dèn vàng nháy	☐ ; Dèn đỏ nháy
Dèn cho các tình huống khác	☒ ; Dèn nửa xanh nửa đỏ	☐ ; Dèn dự trữ
Âm hiệu:		
Vật hiệu:	Tam giác đen ☐ ; Hình chữ nhật đen ☐ ; Hình thoi góc vuông đen ☒ ;	Dèn neo ☒ ; Dèn vàng ☐ ; Dèn dự trữ ☐ ;
Còi-1/Chuông-1/Kênh-0/Loa-0		
Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm (do rác, dầu, nước thải sinh hoạt, chất lỏng độc hại của tàu)		
Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc)	1	Tổng sản lượng (m ³)
Kết thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc)	1	Tổng thể tích (m ³)
Kết nước thải: Số lượng (chiếc)	1	Tổng thể tích (m ³)
Bịch nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc):	1	Vị trí:
Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc)		Sản lượng (m ³):
Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng:		
Định kỳ:	24/06/2026	24/06/2024
Hàng năm:	24/06/2024	
Thời hạn kiểm tra		
	Trên dâ	
	Trung gian:	
Áp dụng đối với:		
Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh: - Các phương tiện có sức chở dưới 50 người; - Các phương tiện có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn; - Các phương tiện có động cơ có tổng công suất dưới 135 sức ngựa; - Các phương tiện chuyên dùng như: bển nổi, thiết bị thi công nổi, nhà nổi, tàu cuốc, tàu hút... có chiều dài thiết kế nhỏ hơn 10 m.		
Trách nhiệm của chủ phương tiện:		
Chịu trách nhiệm bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

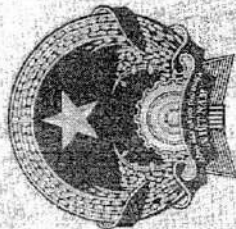
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀU CÁ

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân	Tỷ lệ cổ phần (%)



GIẤY CHỨNG NHẬN DĂNG KÝ TÀU CÁ
REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH THANH HÓA
THANH HOA DEPARTMENT OF AGRICULTURE
AND RURAL DEVELOPMENT
CHI CỤC THỦY SẢN
SUB-DEPARTMENT OF FISHERIES

Nº: **047/2023**

Chứng nhận tàu cá có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:
Hereby certifies that the fishing vessel with the following specifications has been registered into

The Vietnam National Vessel Registration Book.

Tên tàu:

Name of Vessel

Hồ hiệu:

Signal Letters

Chủ tàu:

Vessel owner

NGUYỄN THỊ DUNG

Nơi thường trú: Xã Hoàng Phượng, huyện Hoàng Hóa,
tỉnh Thanh Hóa

Residential Address

Kiểu tàu: Khai thác thủy sản.

Type of Vessel

Công dụng (nghề): Lồng bẫy.

Used for (fishing gear)

Tổng dung tích, GT:

Gross Tonnage

Chiều dài L_{max} , m: 13,20

Length overall

Chiều dài thiết kế L_{tk} , m:

Length

Chiều cao mạn D , m: 1,50

Dr. ght

Vật liệu vỏ: Gỗ

Materials

Năm và nơi đóng: 2014 - Thanh Hóa.

Year and Place of Build

Trọng tải toàn phần:

Dead weight

Chiều rộng B_{max} , m: 3,80

Breadth overall

Chiều rộng thiết kế B_{tk} , m:

Breadth

Chiều chìm d , m: 1,00

Depth

Tốc độ tự do hl/h :

Speed

Số lượng máy: 01

Number of Engines

Tổng công suất (kW): 66,2

Total power

Ký hiệu máy Type of machine	Số máy Number engines	Công suất (kW) Power	Năm và nơi chế tạo Year and place of manufacture
ZF4100C	130313	66,2	Cũ, Trung Quốc

Cảng đăng ký: Hoàng Phụng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
Port Registry

Cơ sở đăng kiểm tàu cá: Trung tâm đăng kiểm tàu cá Thanh Hóa.
Register of Vessels

Số đăng ký: TH-91311-TS.
Number or registry

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: Không thời hạn.
This certificate is valid until

Cấp tại Thanh Hóa, ngày 23 tháng 3 năm 2023
Issued at Date

CHI CỤC THỦY SẢN THANH HÓA
KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Lê Văn Sáng

CHI CỤC THỦY SẢN THANH HÓA
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỆM TÀU CÁ

Số: 424 /HN/ĐKTC
N^o

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN
AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ**
Technical and safety certificate of fishing vessel

Tên tàu:.....
Name of vessel.....

Số đăng ký: TH- 91311 -TS
Registration number.....

Hồ hiệu:
Call sign.....

Chủ tàu: (Vessel's owner): Nguyễn Thị Dung ; Quốc tịch: (Flag): Việt Nam

Địa chỉ: (Address): Xã Hoàng Phượng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Năm và nơi đóng: (Year and Place of Build): 2014 – Thanh Hóa.

Công dụng (nghề): Lồng bẫy
Used for (fishing gear).....

Vật liệu thân, vỏ: Gỗ
Materials.....

Tổng dung tích:
Gross tonnage.....

Trọng tải toàn phần:
Deadweight.....

Số thuyền viên: 07 người
Number of crew.....

Chiều dài, L_{max}: 13,20 (m)
Length overall.....

Chiều rộng, B_{max}: 3,80 (m)
Breadth overall.....

Chiều cao mạn, D: 1,50 (m)
Draught.....

Chiều dài thiết kế, L_k:
Length.....

Chiều rộng thiết kế, B_k:
Breadth.....

Chiều chìm, d: 1,00 (m)
Depth.....

Tổng công suất máy chính, Ne (KW): 66,2 (90 CV)
Total Power.....

Số lượng máy chính: 01
Number of Engines.....

TT	Ký hiệu máy Type of machine	Số máy Number engines	Công suất, Ne (kW) Power	Năm và nơi chế tạo Year and Place of Build
01	ZH4100C	130313	66,2	Máy cũ, T/Quốc

- Căn cứ vào quy phạm và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước và biên bản kiểm tra kỹ thuật số: 23/91311/ĐKTC, ngày 23 tháng 08 năm 2023.

Pursuant to the vessel's technical check minute no: dated on

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận (Fishing vessel register certify that):

- Trạng thái kỹ thuật của tàu: (Technical state of the fishing vessel): **Hạn chế hoạt động.**

Cấp tàu The class	Không hạn chế Unlimited	Hạn chế I Limitations I	Hạn chế II Limitations II	Hạn chế III Limitations III
				X

Được phép hoạt động tại: Vùng biển hồ Việt Nam, cách bờ hoặc nơi trú ẩn ≤ 20 Hải lý.
Allowed to operate at

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: Ngày 21 tháng 07 năm 2024.
This certificate is valid until

Cấp tại Thanh Hóa, ngày 24 tháng 08 năm 2023
Issued at Date

**TRUNG TÂM ĐĂNG KIỆM TÀU CÁ
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tung Lâm

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 25-22/ĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: Tàu công tác 02 Số đăng ký: TH - 0675
Chủ phương tiện: Công ty cổ phần quản lý ĐTNĐ & XD giao thông Thanh Hóa
Địa chỉ chủ phương tiện: 320, Trần Hưng Đạo, P.Nam Ngạn, TP.Thanh Hóa, Thanh Hóa
Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:
Cấp phương tiện: VR-SII Công dụng: Tàu đẩy
Năm và nơi đóng: 1979, Hải Phòng
Chiều dài thiết kế: 18,0 m, Chiều dài lớn nhất: 19,5 m
Chiều rộng thiết kế: 3,85 m, Chiều rộng lớn nhất: 3,97 m
Chiều cao mạn: 1,4 m, Chiều chìm: 0,6 m
Mạn khô: 0,8 m, Vật liệu vỏ: Thép
Số lượng, kiểu và công suất máy chính: 01, 6L160 (tăng áp) ; 192 cv
Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy: Lực đẩy 1650 KG...

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 6 năm 2022



PHÓ GIÁM ĐỐC

Hương Quốc Tuấn

Số seri: TH 000636



BV 042281

Số: 00500/22V36

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THUYỀN NỘI ĐỊA**

Tên phương tiện: Tàu Công tác 02 Số ĐKHC: TH-0675
Công dụng: Tàu đẩy Số Đăng kiểm: V36-00706
Chủ phương tiện: Công ty CP quản lý đường thủy nội địa và XDGT Thanh Hóa
Địa chỉ: Số 320 Trần Hưng Đạo, P. Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Năm đóng/hoàn cải: 1979, Hải Phòng
Kích thước cơ bản: L x B x D x d: 18 x 3,85 x 1,4 x 0,6 m;
L_{max} x B_{max}: 19,5 x 3,97 m; Mạn khô F: 800 mm;
Vật liệu: Thép; Dung tích: 192/0 cv;
Số lượng máy chính/phụ: 1/0; Tổng công suất: 192/0 cv;
Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 00500/22V36 ngày 19 tháng 8 năm 2022

CHI CỤC ĐĂNG KÝ KIỂM SỐ 12

Chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngăn ngừa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy phạm, quy định hiện hành và được trao cấp:

VR-SII

Vùng hoạt động: Vùng SII
Khả năng khai thác: Lực đẩy: 1650 (kg)

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 16 tháng 8 năm 2023

Cấp tại Thanh Hóa, ngày 19 tháng 8 năm 2022

CHỖ ĐÓNG DẤU ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ



Số KS VR79010029

SI-01

Trang bị chạy tàu

Ông/nhóm: ☒ Đồng hồ
Thiết bị đo sâu đơn giản: ☒ Chuông lệnh
Thiết bị đo nghiêng: ☒ Thước đo mức nước
GPS hoặc thiết bị tương tự: ☒ La bàn từ hoặc la bàn chuẩn
Thiết bị truyền thanh chỉ huy: ☒ Ra đa
Thiết bị VTD: MF/HF (chiếc): 0; VHF (chiếc): 0
S.EPIRB: ☒ AIS: cấp A ☒ cấp B ☒
SART/AIS-SART: ☒

Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm

Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc): 1; Tổng sản lượng:
Két thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc): 1; Tổng thể tích (m³): 0,2
Két nước thải: Số lượng (chiếc): 1; Tổng thể tích (m³): 0,2
Két lắng: Số lượng (chiếc): 1; Tổng thể tích (m³): 0,2
Két dầu bẩn: Số lượng (chiếc): 1; Tổng thể tích (m³): 0,2
Bể nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc): 1; Vị trí: 1
Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc): 1; Sản lượng (m³): 1
Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng (chiếc): 1

Thời hạn kiểm tra

Định kỳ: 16/08/2023; Trên đà: 16/08/2023
Hàng năm: 16/08/2023; Trung gian:

Áp dụng đối với:

- Phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, tàu chở công te nơ, chở xô hóa chất nguy hiểm, chở dầu; tàu khách cao tốc, tàu đệm khí.
- Các phương tiện của người nước ngoài hoặc của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tham gia giao thông đường thủy nội địa.
- Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh (trừ các phương tiện nêu ở khoản 1, 2 trên đây), có một trong các đặc trưng sau:
 - Phương tiện có sức chở người từ 50 người trở lên;
 - Phương tiện có trọng tải toàn phần từ 200 tấn trở lên;
 - Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 135 sức ngựa trở lên;
 - Phương tiện chuyên dùng như: tàu công trình và các tàu có công dụng đặc biệt có chiều dài thiết kế từ 10 m trở lên;
 - Phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn.

Trách nhiệm của chủ phương tiện:

Chịu trách nhiệm bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.

Thiết kế phương tiện			
Ký hiệu thiết kế:	L22	Năm thiết kế:	1979
Số GCN:		Số thẩm định:	
Năm nơi hoàn cải:			
Thiết bị neo Neo mũi, kiểu: Hall ; SL(chiếc): 1 ; Tổng khối lượng neo: 75 kg Neo đuôi, kiểu: / ; SL(chiếc): 0 ; Tổng khối lượng neo: / kg Chiều dài/ đường kính xích, cáp: Mũi 35/14 ; Đuôi: / Kiểu tời neo: Mũi Kiểu đứng ; Đuôi: / Thiết bị lái Bánh lái: Kiểu Lưu tuyến ; số lượng (chiếc): 1 ; Tổng DT (m²): 1,2 Máy lái chính: Kiểu Cơ khí ; Mô men lái (tm): 0,4 Máy lái dự phòng: Kiểu Lái tay ; Mô men lái (tm): 0,4 Thiết bị chằng buộc Dây buộc: số lượng (chiếc): 1 ; Tổng chiều dài (m): 35 Cột buộc dây: Kiểu Bít đôi ; Số lượng (chiếc): 4 Thiết bị kéo Cột kéo: Kiểu ; Đường kính (mm): 220 Móc kéo: Kiểu ; Lực kéo định mức (kN): Tời thu dây: Kiểu ; Lực kéo định mức (kN): Dây kéo loại: Thép ; Chiều dài (m): 70 Máy chính Máy chính số 1: 6L160 Tang áp ; Năm chế tạo: Không xác định ; Công suất (cv): 192 Máy phụ Số lượng, móc, công suất (cv): 0; 0 Thiết bị điện Số lượng máy phát (chiếc): 1 Công suất (KVA): 1,2 ; Điện áp (V): 24V Số bình ắc quy: 4 ; Điện áp (V): 12 ; Tổng dung lượng (Ah): 180x4 Hệ thống không khí nén Bình khí nén: Số lượng(chiếc): Máy nén khí: Số lượng (chiếc):			

BV042281

Thiết bị nâng	
Số chế tạo hoặc số quản lý:	
Tầm với lớn nhất (m)/sức nâng (tấn):	
Tầm với nhỏ nhất (m)/sức nâng (tấn):	
Thiết bị chữa cháy Kiểu bơm: Ly tâm ; SL(chiếc) 1 ; Lưu lượng (m³) 15 Loại khí ; Tổng khối lượng (kg) Loại bột ; Tổng thể tích (lít) Bình bột đẩy: Số lượng x dung tích (lít): 2x5 Thiết bị tạo bọt xách tay: Số lượng: 4x9 Bình bột: Số bình x khối lượng (kg) Bình bột: Số bình x dung tích (lít) Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công: X ; Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy: X Thiết bị cứu sinh Phao tròn: Không dây (chiếc) 1 ; Có dây(chiếc): 1 Phao áo (chiếc): 6 ; Phao áo trẻ em (chiếc): DC nổi/phao bè/Xuồng (chiếc): 0 ; Tổng sức chở (người): 0 Thiết bị cứu đắm Bơm hút khô: Kiểu Ly tâm Số lượng (chiếc): 1 ; Lưu lượng (m³) 15 Bộ dụng cụ cứu đắm: X Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang: X Thiết bị tín hiệu Đèn hiệu: Đèn mạn đỏ X ; Đèn mạn xanh X ; Đèn trắng lái X ; Đèn neo X ; Đèn cột trắng: X ; Đèn cột xanh X ; Đèn cột đỏ X ; Đèn lái đỏ X ; Đèn lái xanh X ; Đèn vàng X ; Đèn trắng nháy X ; Đèn vàng nháy X ; Đèn đỏ nháy X ; Đèn cho các tình huống khác X ; Đèn nửa xanh nửa đỏ X ; Đèn dự trữ X ; Âm hiệu: Vật hiệu: Tam giác đen X ; Tam giác trắng X ; Vuông đen X ; Chữ nhật đen X ; Tròn đen X ; Tròn trắng X ; Hình thoi góc vuông đen X ; Pháo hiệu dù X ; Bộ cờ hiệu X ; Pháo hiệu dù X ; Súng phóng dây X ;	